

**CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG
VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
đã soát xét cho kỳ tài chính từ ngày
01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG
VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
đã soát xét cho kỳ tài chính từ ngày
01/01/2022 đến ngày 30/06/2022



MỤC LỤC

	Trang
THÔNG TIN VỀ CÔNG TY	2
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 34

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

THÔNG TIN CHUNG CỦA CÔNG TY

Công ty cổ phần Năng lượng và Bất động sản MCG tiền thân là Công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi Hà Nội, là Doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Tổng công ty Cơ điện và Xây dựng Thủy lợi. Theo Quyết định số 4465/QĐ/BNN-TCCB ngày 09/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công ty chuyển đổi thành Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng. Tháng 10 năm 2021 đổi tên thành Công ty cổ phần Năng lượng và Bất động sản MCG. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103009916 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 30/11/2005. Trong quá trình hoạt động, những thay đổi về nội dung đăng ký doanh nghiệp của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội phê duyệt tại các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi từ lần 01 đến lần 14 ngày 27/10/2021, thay đổi lần thứ 8 với mã số doanh nghiệp là 0100103295.

Công ty có trụ sở tại Ngõ 102 đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | |
|------------------------|----------------------------|
| - Ông Nguyễn Ngọc Bình | Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| - Ông Trần Hải Anh | Ủy viên |
| - Ông Nguyễn Văn Huyền | Ủy viên |
| - Ông Trần Ngọc Chiến | Ủy viên |
| - Ông Đỗ Quang Tuấn | Ủy viên |

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | | |
|-----------------------------|-------------------|--------------------------|
| - Ông Nguyễn Ngọc Hưng | Tổng Giám đốc | |
| - Ông Nguyễn Văn Huyền | Phó Tổng Giám đốc | |
| - Ông Trịnh Thái Sơn | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 14/01/2022 |
| - Bà Nguyễn Thị Phương Ngọc | Phó Tổng Giám đốc | |
| - Bà Phạm Thị Chinh Lương | Kế toán trưởng | |

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Ngọc Bình - Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | | |
|------------------------|----------------------|----------------------------|
| - Ông Hoàng Mạnh Tuấn | Trưởng Ban Kiểm soát | Miễn nhiệm ngày 10/03/2022 |
| - Đinh Thị Vân | Trưởng Ban Kiểm soát | Bổ nhiệm ngày 10/03/2022 |
| - Bà Hoàng Thị Kim Anh | Thành viên | |
| - Ông Nguyễn Thiết | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 10/03/2022 |

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán BDO đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Về báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Năng lượng và Bất động sản MCG (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 đã được soát xét.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 của Công ty phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 đính kèm được trình bày từ trang 6 đến trang 34. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này đã phản ánh trung thực, hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nguyễn Ngọc Bình

Hà Nội, ngày 23 tháng 08 năm 2022

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Năng lượng và Bất động sản MCG
cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**Kính gửi: CỐ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty cổ phần Năng lượng và Bất động sản MCG, được lập ngày 23 tháng 08 năm 2022 từ trang 6 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của công ty tại ngày 30/06/2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi cũng xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến thuyết minh số VIII.5 Thông tin hoạt động liên tục của Công ty. Theo đó, Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, tổng nợ phải trả quá hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty là 72.199.814.139 đồng, khoản lỗ lũy kế của công ty là: 372.342.146.858 đồng. Đồng thời theo quyết định số 39686/QĐ-CTHN-QLN ngày 12/08/2022 của Cục Thuế thành phố Hà Nội về việc áp dụng cưỡng chế thuế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không có giá trị sử dụng để thi hành cưỡng chế thuế 1 năm kể từ ngày 12 tháng 8 năm 2022, tổng số tiền thuế Công ty còn nợ theo thông báo số 227362/TB-CT ngày 19/07/2022 với số tiền: 5.044.435.000 đồng. Những điều kiện này chỉ ra sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO



Bùi Văn Vương - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán 0780-2018-038-1

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

B01-DN/HN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		316.865.432.073	340.916.377.312
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3.048.161.582	12.638.100.423
1. Tiền	111		3.048.161.582	12.638.100.423
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2.1	183.050	237.300
1. Chứng khoán kinh doanh	121		237.860	237.860
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(54.810)	(560)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		236.833.281.587	251.019.194.690
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	71.974.689.443	92.032.838.894
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	11.497.786.532	11.678.469.525
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	178.455.095.041	172.966.243.230
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(25.094.289.429)	(25.658.356.959)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	75.222.006.271	75.592.442.478
1. Hàng tồn kho	141		75.444.734.602	75.815.170.809
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(222.728.331)	(222.728.331)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.761.799.583	1.666.402.421
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	193.209.036	126.758.334
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.567.659.326	1.538.712.866
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13.2	931.221	931.221
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		299.466.965.367	303.536.105.907
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		11.365.294.951	12.716.567.707
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	11.365.294.951	12.716.567.707
Nguyên giá	222		106.911.456.113	109.251.548.937
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(95.546.161.162)	(96.534.981.230)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.9	102.004.491.738	103.352.786.862
Nguyên giá	231		132.036.029.974	132.036.029.974
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(30.031.538.236)	(28.683.243.112)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		185.635.828.056	187.084.281.019
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2.2	181.619.174.675	183.067.627.638
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2.3	9.891.470.000	9.891.470.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2.3	(5.874.816.619)	(5.874.816.619)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		461.350.622	382.470.319
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	78.880.303	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.16	382.470.319	382.470.319
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		616.332.397.440	644.452.483.219

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

B01-DN/HN

				Đơn vị tính: VND	
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		425.222.934.709	455.840.491.774	
I. Nợ ngắn hạn	310		271.022.934.709	303.840.491.774	
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	102.256.232.296	107.683.334.520	
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	12.181.782.044	19.740.115.452	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13.1	7.224.497.397	19.830.693.173	
4. Phải trả người lao động	314		1.291.226.257	1.850.419.314	
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	44.350.024.099	48.110.371.998	
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15.1	90.308.134.077	90.422.393.066	
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17.1	4.606.091.768	4.280.640.000	
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1.300.776.238	3.969.753.718	
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.504.170.533	7.952.770.533	
II. Nợ dài hạn	330		154.200.000.000	152.000.000.000	
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16.2	148.200.000.000	152.000.000.000	
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17.2	6.000.000.000	-	
3. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-	
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		191.109.462.732	188.611.991.446	
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	191.109.462.732	188.611.991.446	
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		575.100.000.000	575.100.000.000	
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		575.100.000.000	575.100.000.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		32.960.749.348	32.960.749.348	
3. Cổ phiếu quỹ	415		(73.426.398.513)	(73.426.398.513)	
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		28.817.258.755	28.817.258.755	
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(372.342.146.858)	(374.800.573.399)	
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(374.800.573.398)	(338.015.176.412)	
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.458.426.540	(36.785.396.987)	
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	(39.044.746)	
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		616.332.397.440	644.452.483.219	

Người lập biểu

Hoàng Mạnh Tuấn

Kế toán trưởng

Phạm Thị Chinh Lương

Lập ngày 23 tháng 08 năm 2022

Chủ tịch hội đồng quản trị



Nguyễn Ngọc Bình

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	21.792.616.242	91.291.773.396
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		21.792.616.242	91.291.773.396
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	19.082.472.514	97.936.317.896
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.710.143.728	(6.644.544.500)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.334.331.357	1.259.494.849
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	54.250	348.054.720
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	344.927.389
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(1.448.452.963)	(4.129.141.163)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	3.837.153.205	3.768.225.798
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		758.814.667	(13.630.471.332)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	2.126.198.214	136.506.717
12. Chi phí khác	32	VI.7	426.586.341	2.184.672.943
13. Lợi nhuận khác	40		1.699.611.873	(2.048.166.226)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.458.426.540	(15.678.637.558)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	-	(138.478.138)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.458.426.540	(15.540.159.420)
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		2.458.426.540	(15.583.453.591)
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	43.294.171
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	47	(299)

Lập ngày 23 tháng 08 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch hội đồng quản trị



Hoàng Mạnh Tuấn

Phạm Thị Chinh Lương

Nguyễn Ngọc Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

B03-DN/HN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.458.629.981	(15.678.637.558)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		2.440.462.382	2.620.918.403
- Các khoản dự phòng	03		(3.232.990.760)	13.119.456.841
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(124.754.015)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.334.331.357)	834.166.772
- Chi phí lãi vay	06		-	344.927.389
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(1.668.229.754)	1.116.077.832
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		18.858.740.576	(2.326.465.265)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		370.436.207	2.733.107.245
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(33.782.410.754)	21.929.577.338
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(145.331.005)	11.147.090
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	710.585.207
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(912.089.297)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.975.853)	(8.042.889.675)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(448.600.000)	(320.210.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(16.819.370.583)	14.898.840.475
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(36.354.546)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	301.363.637
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(16.601.526.778)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	14.025.526.778
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	9.439.832.828
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		903.979.974	200.947.311
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		903.979.974	7.329.789.230

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

B03-DN/HN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		6.325.451.768	27.020.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(43.197.923.576)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		6.325.451.768	(16.177.923.576)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(9.589.938.841)	6.050.706.129
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	12.638.100.423	1.820.363.311
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	3.048.161.582	7.871.069.440

Người lập biểu



Hoàng Mạnh Tuấn

Kế toán trưởng



Phạm Thị Chinh Lương

Lập ngày 23 tháng 08 năm 2022

Chủ tịch hội đồng quản trị



Nguyễn Ngọc Bình

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Năng lượng và Bất động sản MCG tiền thân là Công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi Hà Nội, là Doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Tổng công ty Cơ điện và Xây dựng Thủy lợi. Theo Quyết định số 4465/QĐ/BNB-TCCB ngày 09/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công ty chuyển đổi thành Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng. Tháng 10 năm 2021 đổi tên thành Công ty cổ phần Năng lượng và Bất động sản MCG.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch cổ phiếu là MCG theo giấy phép số 09109/UBCK-GPNY ngày 24 tháng 09 năm 2009 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp.

Công ty có trụ sở tại Ngõ 102 đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

2. Lĩnh vực kinh doanh

- Tổng hợp nhiều lĩnh vực kinh doanh, gồm: Xây lắp, dịch vụ, kinh doanh bất động sản và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm: Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi; Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp đến 35KV; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh dịch vụ quản lý tòa nhà chung cư.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động của Công ty thông thường là 12 tháng.

- Đối với hoạt động xây lắp: Chu kỳ hoạt động kinh doanh theo từng hợp đồng xây dựng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng đáng kể đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Công ty đang hoạt động. Ban Tổng Giám đốc vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như những đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và nợ tiềm tàng, đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên thông tin tin cậy có được đến nay lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các công ty con

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ góp vốn	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty cổ phần Cơ khí Văn Lâm	Thôn Ngọc Loan, xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, Hưng Yên	51,48%	100,00%	Xây dựng; Sản xuất cơ khí

Danh sách công ty liên doanh, liên kết

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ góp vốn	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty cổ phần đầu tư thủy điện An Pha	Số 6A ngõ 52, đường Nguyễn Trãi, phường Quyết Thắng, TP Sơn La, Sơn La	46%	46%	Sản xuất, kinh doanh điện

Danh sách các đơn vị hạch toán phụ thuộc

Tên	Địa chỉ	Hoạt động chi nhánh
Chi nhánh Tuyên Quang	Xã Hưng Thành, Thị xã Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang	Sản xuất và dịch vụ
Chi nhánh Thanh Hóa	Ngã Ba Chẽ, Xã Thiệu Đô, Huyện Thiệu Hóa, Tỉnh Thanh Hóa	Xây dựng tuy nhiên đang tạm dừng hoạt động
Chi nhánh Miền Trung	Xã Hương Vân, Huyện Hương Trà, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Xây dựng tuy nhiên đang tạm dừng hoạt động
Chi nhánh Hồ Chí Minh	Số 1 Ngô Bệ, Phường 13, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng tuy nhiên đang tạm dừng hoạt động

7. Nhân viên

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2022 là 46 người. (Tại ngày 31/12/2021 là 46 người)

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Kỳ kế toán năm:** Theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các yêu cầu của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các tài liệu hướng dẫn có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này. Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của kỳ tài chính gần nhất.

1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con do Công ty nắm quyền kiểm soát tại ngày 30/06/2022, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo sự nhất quán về các chính sách kế toán đang áp dụng tại Công ty. Các giao dịch nội bộ, công nợ và các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ bị loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty, trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn (dưới 3 tháng), tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Việc xác định các khoản tương đương tiền đảm bảo theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**a) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh bao gồm các loại chứng khoán nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả các chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng) được mua để bán lại để tạo lợi nhuận

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán kinh doanh giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ. Chênh lệch dự phòng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là tất cả các đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở các đơn vị đó

Cho mục đích của báo cáo tài chính hợp nhất này, Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần lãi và lỗ của Công ty trong Công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Nếu phần lợi ích của Công ty trong khoản lỗ của Công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư bị giảm tới không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai, trừ khi Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho Công ty liên kết.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- **Phải thu khách hàng:** Gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua, bán.
- **Phải thu khác:** Gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán (như: tạm ứng, các khoản thu hộ chi hộ...).

Theo dõi khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải thu ngắn hạn, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải thu dài hạn.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Việc xác định được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 02- "Hàng tồn kho", cụ thể: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho tại địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ đối với sản phẩm xây lắp được Công ty xác định bằng sản lượng dở dang (giá trị đã thực hiện nhưng chưa được nghiệm thu) nhân với (x) đơn giá dự toán.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Tại ngày 30/06/2022 Công ty lập dự phòng một số hàng tồn kho chậm luân chuyển với số tiền: 222.728.331 đồng.

6. Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định, Bất động sản đầu tư**a) Nguyên tắc kế toán tài sản cố định hữu hình, vô hình****Tài sản cố định hữu hình (TSCĐ HH)**

TSCĐ HH được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ HH là toàn bộ các chi phí Công ty phải bỏ ra để có TSCĐ tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Việc xác định nguyên giá TSCĐ HH đối với từng loại phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 về tài sản cố định hữu hình.

TSCĐ HH được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính như sau:

Nhóm TSCĐ	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc thiết bị	03 - 18 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị quản lý	03 - 10 năm
Tài sản khác	01 - 03 năm

b) Nguyên tắc kế toán bất động sản đầu tư (BĐSDT)

BĐSDT gồm: Quyền sử dụng đất, nhà, hoặc một phần của nhà hoặc cả nhà và đất, cơ sở hạ tầng do người chủ sở hữu hoặc người đi thuê tài sản theo hợp đồng thuê tài chính, nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá mà không phải để sử dụng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa, dịch vụ hoặc sử dụng cho các mục đích quản lý; hoặc để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

BĐSDT được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá BĐSDT là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được BĐSDT tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành BĐSDT đó.

Các chi phí liên quan đến BĐSDT phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho BĐSDT tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá BĐSDT.

BĐSDT được trích khấu hao trên cơ sở áp dụng chính sách khấu hao nhất quán với chính sách khấu hao của tài sản cùng loại thuộc sở hữu của Công ty.

7. Nguyên tắc kế toán thuế**a) Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành (20%).

b) Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản chi phí trả trước có thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn, khoản chi phí trả trước có thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được trình bày theo giá gốc. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- **Phải trả người bán:** Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản.
- **Phải trả khác:** Gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ (như: phải trả về lãi vay, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...)

Theo dõi các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải trả có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải trả ngắn hạn, khoản phải trả có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải trả dài hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn giá trị phải thanh toán.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh tiếp theo được phân loại là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Ghi nhận chi phí đi vay

Chi phí đi vay gồm chi phí lãi vay và chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay (như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn...).

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh (trừ các trường hợp vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay").

Chi phí đi vay được vốn hóa

Chi phí đi vay phát sinh từ khoản vay riêng có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) sau khi đã trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vay này. Chi phí đi vay được vốn hóa khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Việc vốn hóa các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ, nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc kỳ tài chính trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng, bao gồm các khoản: Chi phí lãi vay và chi phí công trình.

Cơ sở xác định các loại chi phí phải trả

- *Phải trả chi phí liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ:* Căn cứ Hợp đồng kinh tế, thực tế sử dụng hàng hóa và dịch vụ của nhà cung cấp trong kỳ cho các công trình.
- *Trích trước chi phí lãi vay:* Căn cứ số dư nợ gốc, thời hạn, lãi suất áp dụng.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; có sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó. Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận thỏa mãn các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán số 18 “Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng”.

Phương pháp ghi nhận dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được lập thêm (hoặc hoàn nhập) theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa số dự phòng phải trả phải lập kỳ nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước chưa sử dụng đang ghi trên sổ kế toán.

Căn cứ trích lập dự phòng phải trả

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành các công trình được ước tính theo tỷ lệ 2 - 5% giá trị quyết toán của các công trình, căn cứ cam kết trong hợp đồng.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**a) Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, cổ phiếu quỹ.**

Vốn góp của chủ sở hữu: Phản ánh số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ: Là cổ phiếu do Công ty phát hành và mua lại, các cổ phiếu này không bị hủy bỏ và được tái phát hành trở lại theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Giá trị cổ phiếu quỹ gồm: giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu, như chi phí giao dịch, thông tin...

b) Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận chưa phân phối được theo dõi chi tiết theo kết quả hoạt động kinh doanh của từng kỳ tài chính (kỳ trước, kỳ này), đồng thời theo dõi chi tiết theo từng nội dung phân chia lợi nhuận (trích lập các quỹ, bổ sung Vốn đầu tư của chủ sở hữu, chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư).

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ lắp đặt thi công các công trình, dịch vụ quản lý tòa nhà, dịch vụ cho thuê tài sản được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính gồm: Lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán.

Lãi tiền gửi, lãi cho vay: Được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hoạt động xây dựng được ghi nhận khi có biên bản nghiệm thu, quyết toán và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước), lỗ chênh lệch tỷ giá của năm báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong kỳ.

18. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là các chi phí quản lý chung, gồm chi phí lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Công ty có phát sinh các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ là khoản thu dự phòng khó đòi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch và số dư với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở Thuyết minh số VIII.2

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tiền mặt	155.517.212	765.353.728
Tiền gửi ngân hàng	2.892.644.370	11.872.746.695
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	3.048.161.582	12.638.100.423

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

B09-DN/HN

2. Các khoản đầu tư tài chính

2.1 Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	237.860	(54.810)	292.670	237.860	(560)	238.420
Cổ phiếu ngân hàng Vietin	237.860	(54.810)	292.670	237.860	(560)	238.420
Cổ phiếu Công ty cổ phần Licogi 16 (LCG)	-	-	-	-	-	-
Cộng	237.860	(54.810)	292.670	237.860	(560)	238.420

2.2 Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	<i>Giá gốc</i>	<i>Phần lãi lỗ trong công ty liên kế</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Phần lãi lỗ trong công ty liên kế</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>
Công ty cổ phần Đầu tư thủy điện Anpha	206.080.000.000	(24.460.825.325)	181.619.174.675	206.080.000.000	(23.012.372.362)	183.067.627.638
Cộng	206.080.000.000	(24.460.825.325)	181.619.174.675	206.080.000.000	(23.012.372.362)	183.067.627.638

2.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển các KCN Hà Tĩnh	1.050.000.000	(1.050.000.000)	-	1.050.000.000	(1.050.000.000)	-
Công ty cổ phần BP Tư vấn và đầu tư xây dựng Hòa Bình	1.800.000.000	(33.346.619)	1.766.653.381	1.800.000.000	(33.346.619)	1.766.653.381
Công ty cổ phần Ván nhân tạo Yên Bái	2.550.000.000	(2.550.000.000)	-	2.550.000.000	(2.550.000.000)	-
Công ty cổ phần Cơ điện và xây dựng Hòa Bình	2.241.470.000	(2.241.470.000)	-	2.241.470.000	(2.241.470.000)	-
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Meco	2.250.000.000	-	2.250.000.000	2.250.000.000	-	2.250.000.000
Cộng	9.891.470.000	(5.874.816.619)	4.016.653.381	9.891.470.000	(5.874.816.619)	4.016.653.381

Tại thời điểm lập BCTC này, thông tin sử dụng để đánh giá giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty cổ phần đầu tư và phát triển các KCN Hà Tĩnh và Công ty cổ phần Ván nhân tạo Yên Bái dựa trên số liệu của Kiểm toán năm trước và thông tin sử dụng để đánh giá giá trị hợp lý của khoản đầu tư là BCTC cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/06/2022 chưa được soát xét của các công ty liên doanh liên kết.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Phải thu bên thứ ba	36.689.980.954	53.540.500.045
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thủy lợi 1 - MECO	446.450.854	11.043.060.854
Ông Nguyễn Văn Dũng	8.832.059.992	8.832.059.992
Các khách hàng còn lại	27.411.470.108	33.665.379.199
Phải thu từ bên liên quan	35.284.708.489	38.492.338.849
(Chi tiết phải thu khách hàng là bên liên quan được thuyết minh tại thuyết minh số VIII.2)		
Cộng	71.974.689.443	92.032.838.894

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Trả trước cho người bán bên thứ ba		
Công ty TNHH Kinh Long Giang Hưng Yên	7.641.959.177	8.342.045.637
Công ty thương mại Bắc Trung Nam	2.500.000.000	-
Các nhà cung cấp còn lại	919.050.115	3.203.259.888
Ứng trước cho người bán là bên liên quan	436.777.240	133.164.000
(Chi tiết phải trả trước cho người bán là bên liên quan được thuyết minh tại thuyết minh số VIII.2)		
Cộng	11.497.786.532	11.678.469.525

5. Phải thu khác ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	155.057.376.510	-	155.947.165.446	-
- Ông Mai Quốc Ân (BCH Công trình Nậm Hóa 1)	27.283.370.892	-	35.283.370.892	-
- Ông Nguyễn Ngọc Hưng	6.744.023.000	-	6.744.023.000	-
- Ông Nguyễn Ngọc Bình (BDH CT Khánh Khê)	7.740.567.000	-	7.740.567.000	-
- Ông Nguyễn Lê Vũ	19.523.147.390	-	19.523.147.390	-
- Ông Tạ Duy Văn	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
- Ông Nguyễn Văn Huyền	1.624.194.036	-	2.168.072.360	-
- Ông Nguyễn Ngọc Bình (*)	63.000.000.000	-	63.000.000.000	-
- Các đối tượng khác	24.142.074.192	-	16.487.984.804	-
Phải thu khác	23.373.115.165	(9.706.896.548)	16.994.474.418	(9.706.896.548)
- Công ty TNHH Ngọc Quyền	9.477.520.000	(9.477.520.000)	9.477.520.000	(9.477.520.000)
- Công ty cổ phần xây dựng MCG	6.401.711.857	-	-	-
- Các đối tượng khác	7.493.883.308	(229.376.548)	7.516.954.418	(229.376.548)
Cầm cổ thế chấp ký quỹ, ký cược	24.603.366	-	24.603.366	-
Cộng	178.455.095.041	(9.706.896.548)	172.966.243.230	(9.706.896.548)

(*) Khoản tạm ứng của ông Nguyễn Ngọc Bình là: Khoản tạm ứng phục vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư của Công ty theo ủy quyền của Hội đồng quản trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

B09-DN/HN

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

6. Nợ xấu

6.1 Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán, hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu khách hàng						
Tổng công ty cơ điện XDNN và Thủy lợi	172.728.665	(172.728.665)	-	172.728.665	(172.728.665)	-
Công ty CP Cơ điện và XDVN số 5	4.344.536.021	(4.344.536.021)	-	4.344.536.021	(4.344.536.021)	-
Tổng công ty Xây dựng NN và PTNT	947.816.733	(947.816.733)	-	947.816.733	(947.816.733)	-
Thanh Hóa - CTCP						
Công ty cổ phần Thủy điện Văn Chấn	1.708.215.973	(1.708.215.973)	-	1.708.215.973	(1.708.215.973)	-
Công ty CP Năng Lượng Đất Việt	864.499.178	(864.499.178)	-	864.499.178	(864.499.178)	-
Các đối tượng khác	7.349.596.311	(7.349.596.311)	-	7.913.663.841	(7.913.663.841)	-
Phải thu khác						
Công ty TNHH Ngọc Quyền	9.477.520.000	(9.477.520.000)	-	9.477.520.000	(9.477.520.000)	-
Công ty cổ phần chế biến và khai thác vật liệu xây dựng Việt Đức	26.930.000	(26.930.000)	-	26.930.000	(26.930.000)	-
Tổng công ty Cơ điện XDNN và TL	202.446.548	(202.446.548)	-	202.446.548	(202.446.548)	-
Cộng	25.094.289.429	(25.094.289.429)	-	25.658.356.959	(25.658.356.959)	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
Nguyên liệu, vật liệu	490.208.019		499.746.565	-
Công cụ, dụng cụ	167.177.362	-	198.713.726	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	69.179.719.780		69.548.619.623	-
+ Dự án 102 Trường Chinh (*)	41.042.932.232	-	41.042.932.232	-
+ Công trình thủy điện Nậm Hóa 1	27.389.427.744	-	27.077.637.883	-
+ Các dự án khác	747.359.804	-	1.428.049.508	-
Thành phẩm	750.614.411	222.728.331	711.075.865	222.728.331
Hàng gửi đi bán	4.857.015.030	-	4.857.015.030	-
Cộng	75.444.734.602	222.728.331	75.815.170.809	222.728.331

(*) Chi phí dở dang của 51 căn tòa nhà HH1B

8. Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<i>Chi phí trả trước ngắn hạn</i>		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	193.209.036	126.758.334
Cộng	193.209.036	126.758.334
<i>Chi phí trả trước dài hạn</i>		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	78.880.303	-
Cộng	78.880.303	-

9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Nguyên giá	132.036.029.974	-	-	132.036.029.974
Nhà	123.892.092.623	-	-	123.892.092.623
Cơ sở hạ tầng	8.143.937.351	-	-	8.143.937.351
Giá trị hao mòn lũy kế	28.683.243.112	1.348.295.124		30.031.538.236
Nhà	21.785.927.947	1.284.312.126	-	23.070.240.073
Cơ sở hạ tầng	6.897.315.165	63.982.998	-	6.961.298.163
Giá trị còn lại	103.352.786.862			102.004.491.738
Nhà	102.106.164.676			100.821.852.550
Cơ sở hạ tầng	1.246.622.186			1.182.639.188

Bất động sản đầu tư cho thuê phục vụ 01 hợp đồng:

+ Hợp đồng số 06/HDHT/MECO-TN ngày 02/04/2018 và Phụ lục hợp đồng số 01/HDHT/MECO-TN ngày 27/09/2021 với Công ty CP Quản lý và Khai thác tài sản Thiên Nam hợp tác cho thuê trung tâm thương mại, văn phòng và tầng hầm với doanh thu 1.727.272.727 đồng/quý.

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

B09-DN/HN

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị quản lý</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2022	3.896.600.824	97.792.935.643	7.194.991.548	367.020.922	-	109.251.548.937
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	2.340.092.824	-	-	-	-	2.340.092.824
Tại ngày 30/06/2022	1.556.508.000	97.792.935.643	7.194.991.548	367.020.922	-	106.911.456.113
Hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2022	3.637.495.326	85.335.473.434	7.194.991.548	367.020.922	-	96.534.981.230
Khấu hao trong kỳ	-	1.092.167.258	-	-	-	1.092.167.258
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	2.080.987.326	-	-	-	-	2.080.987.326
Tại ngày 30/06/2022	1.556.508.000	86.427.640.692	7.194.991.548	367.020.922	-	95.546.161.162
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2022	259.105.498	12.457.462.209	-	-	-	12.716.567.707
Tại ngày 30/06/2022	-	11.365.294.951	-	-	-	11.365.294.951

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ tại ngày 30/06/2022 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:

78.733.184.808 đồng

Nguyên giá TSCĐ tại ngày 30/06/2022 chờ thanh lý:

0 đồng

Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2022 của TSCĐ đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo khoản vay:

0 đồng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

11. Phải trả người bán**11.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Phải trả người bán là bên thứ ba	78.297.913.495	78.297.913.495	79.329.109.279	79.329.109.279
Công ty CP đầu tư và phát triển đô thị Long Giang	13.219.371.169	13.219.371.169	13.219.371.169	13.219.371.169
Các nhà cung cấp còn lại	65.078.542.326	65.078.542.326	66.109.738.110	66.109.738.110
Phải trả người bán là bên liên quan	23.958.318.801	23.958.318.801	28.354.225.241	28.354.225.241
(Chi tiết phải trả là bên liên quan được thuyết minh tại thuyết minh số VIII.2)				
Cộng	102.256.232.296	102.256.232.296	107.683.334.520	107.683.334.520

11.2 Số nợ người bán quá hạn chưa thanh toán

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Công ty CP đầu tư và phát triển đô thị Long Giang	13.219.371.169	13.219.371.169	13.219.371.169	13.219.371.169
Công ty CP thương mại Đại Dương	2.721.406.655	2.721.406.655	2.721.406.655	2.721.406.655
Các nhà cung cấp còn lại	56.259.036.315	56.259.036.315	41.769.347.595	41.769.347.595
Cộng	72.199.814.139	72.199.814.139	57.710.125.419	57.710.125.419

12. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Người mua trả tiền trước là bên thứ ba	235.476.201	224.651.225
Các khách hàng còn lại	235.476.201	224.651.225
Người mua trả trước là bên liên quan	11.946.305.843	19.515.464.227
(Chi tiết người mua là bên liên quan được thuyết minh tại thuyết minh số VIII.2)		
Cộng	12.181.782.044	19.740.115.452

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**13.1 Thuế phải nộp**

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ và giảm do thoái vốn	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.862.899.540	2.746.587	1.090.401.132	775.244.995
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.975.853		3.975.853	-
Thuế thu nhập cá nhân	397.489.881	69.954.491	322.529.964	144.914.408
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	882.959.299	168.009.587	910.014.975	140.953.911
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	16.683.368.600	8.090.882	10.528.075.399	6.163.384.083
Cộng	19.830.693.173	248.801.547	12.854.997.323	7.224.497.397

13.2 Thuế phải thu

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	931.221	-	-	931.221
Cộng	931.221	-	-	931.221

Thuế GTGT

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Thuế GTGT 10% đối với dịch vụ và thương mại. Từ tháng 2/2022 đến 31/12/2022 được hưởng ưu đãi thuế 8%

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Chi phí phải trả**14.1 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Lãi vay phải trả	75.242.000	75.242.000
Chi phí trích trước các công trình	44.274.782.099	48.035.129.998
Cộng	44.350.024.099	48.110.371.998

15. Phải trả khác**15.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tài sản thừa chờ giải quyết	5.810.184.538	5.810.184.538
Bảo hiểm xã hội	1.234.699.639	789.269.529
Bảo hiểm y tế	-	4.912.326
Bảo hiểm thất nghiệp	2.189.668	1.940.582
Kinh phí công đoàn	229.571.505	178.199.345
Phải trả về cổ phần hóa	252.180.000	252.180.000
Phải trả, phải nộp khác	82.764.078.145	83.385.706.746
- Tiền nhận đặt cọc (*)	67.657.097.000	67.657.097.000
- Phí bảo trì các căn hộ chung cư	8.165.986.988	8.165.986.988
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	87.848.300	87.848.300
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển đô thị Long Giang	2.683.034.726	2.683.034.726
- Các khoản phải trả khác	4.170.111.131	4.791.739.732
Cộng	90.308.134.077	90.422.393.066

(*) Tiền nhận đặt cọc của một số cá nhân theo Thỏa thuận đặt cọc mua căn hộ tại tòa HH1B.

15.2 Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		
Tiền đặt cọc thuê mặt bằng của Công ty cổ phần khai thác tài sản Thiên Nam	148.200.000.000	152.000.000.000
Cộng	148.200.000.000	152.000.000.000

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Thuế TNDN hoãn lại do Công ty con chưa bán dịch vụ ra ngoài	382.470.319	382.470.319
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	382.470.319	382.470.319

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

B09-DN/HN

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

17. Vay và nợ thuê tài chính

		Số đầu kỳ		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
17.1 Vay ngắn hạn		4.280.640.000	4.280.640.000	325.451.768	-	4.606.091.768	4.606.091.768
<i>Vay cá nhân</i>		<i>4.253.390.000</i>	<i>4.253.390.000</i>	<i>325.451.768</i>	<i>-</i>	<i>4.578.841.768</i>	<i>4.578.841.768</i>
Ông Nguyễn Ngọc Bình	(1)	3.800.000.000	3.800.000.000	325.451.768	-	4.125.451.768	4.125.451.768
Chi nhánh Thanh Hóa vay cá nhân		293.390.000	293.390.000	-	-	293.390.000	293.390.000
Ông Ngô Tuấn Anh	(2)	160.000.000	160.000.000	-	-	160.000.000	160.000.000
<i>Vay tổ chức</i>		<i>27.250.000</i>	<i>27.250.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>27.250.000</i>	<i>27.250.000</i>
Ngân hàng NN và PTNT - Chi nhánh Thiệu Hóa		27.250.000	27.250.000	-	-	27.250.000	27.250.000
Cộng		4.280.640.000	4.280.640.000	325.451.768		4.606.091.768	4.606.091.768
17.2 Vay dài hạn		-	-	6.000.000.000	-	6.000.000.000	6.000.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Bình	(3)	-	-	6.000.000.000	-	6.000.000.000	6.000.000.000
Cộng		-	-	6.000.000.000	-	6.000.000.000	6.000.000.000

Chi tiết các khoản vay:

- (1) Khoản vay ngắn hạn, dài hạn cá nhân với Ông Nguyễn Ngọc Bình theo các hợp đồng vay ngắn hạn với lãi suất 5%/năm. Mục đích của các khoản vay để phục vụ thanh toán tiền vay cho nhà thầu lắp đặt thi công.
- (2) Khoản vay ngắn hạn cá nhân với Ông Ngô Tuấn Anh theo hợp đồng vay ngày 01/04/2020 với lãi suất vay 5%/năm. Mục đích của các khoản vay để thanh toán tiền cho nhà thầu.
- (3) Khoản vay dài hạn, dài hạn cá nhân với Ông Nguyễn Ngọc Bình theo các hợp đồng vay ngắn hạn với lãi suất 0%/năm. Mục đích của các khoản vay để phục vụ thanh toán tiền vay cho nhà thầu lắp đặt thi công.

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

B09-DN/HN

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

18. Vốn chủ sở hữu

18.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	575.100.000.000	32.960.749.348	(73.426.398.513)	28.817.258.755	6.668.646.113	(337.571.427.657)	232.548.828.046
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	5.965.950	-	5.965.950
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Lãi /lỗ trong năm	-	-	-	-	-	(36.785.396.986)	(36.785.396.986)
Giảm khác	-	-	-	-	(6.713.656.809)	(443.748.755)	(7.157.405.564)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	575.100.000.000	32.960.749.348	(73.426.398.513)	28.817.258.755	(39.044.746)	(374.800.573.399)	188.611.991.446
Số dư đầu kỳ này	575.100.000.000	32.960.749.348	(73.426.398.513)	28.817.258.755	(39.044.746)	(374.800.573.399)	188.611.991.446
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	2.458.426.540	2.458.426.540
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	39.044.746	-	39.044.746
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	575.100.000.000	32.960.749.348	(73.426.398.513)	28.817.258.755	-	(372.342.146.859)	191.109.462.732

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

18.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Số kỳ này	Số kỳ trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	575.100.000.000	575.100.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	575.100.000.000	575.100.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

18.3 Cổ phiếu

	Số kỳ này	Số kỳ trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	57.510.000	57.510.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	57.510.000	57.510.000
- Cổ phiếu phổ thông	57.510.000	57.510.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	5.460.000	5.460.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.460.000	5.460.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	52.050.000	52.050.000
- Cổ phiếu phổ thông	52.050.000	52.050.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND	

19. Các khoản mục ngoài bảng Cân đối kế toán

Nội dung	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
- Công nợ khó đòi đã xử lý trong 10 năm gần đây	287.957.108.653	287.961.634.457

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bán hàng	6.202.629.885	10.818.402.434
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.519.032.710	10.259.595.834
Doanh thu hợp đồng xây dựng	7.070.953.647	70.213.775.128
Cộng	21.792.616.242	91.291.773.396

1.2 Doanh thu với các bên liên quan

Xem Thuyết minh VIII.2

2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn của hàng hoá đã bán	6.202.629.775	10.389.471.724
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	6.901.607.851	6.665.595.244
Giá vốn hợp đồng xây dựng	5.978.234.888	67.761.794.087
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	13.119.456.841
Cộng	19.082.472.514	97.936.317.896

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	903.979.974	203.485.828
Lãi bán các khoản đầu tư	2.430.351.383	931.255.006
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	124.754.015
Cộng	3.334.331.357	1.259.494.849

4. Chi phí tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền vay	-	344.927.389
Dự phòng giảm giá chứng khoán KD và tổn thất đầu tư	54.250	-
Chi phí tài chính khác	-	3.127.331
Cộng	54.250	348.054.720

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	2.860.543.608	2.918.793.424
Chi phí vật liệu quản lý	154.541.510	120.045.781
Chi phí đồ dùng văn phòng	130.923.654	87.486.378
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.061.086	1.009.848
Thuế, phí và lệ phí	8.000.000	10.451.193
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	(30.989.907)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	529.689.163	524.148.229
Chi phí bằng tiền khác	181.384.091	106.290.945
Cộng	3.837.153.205	3.768.225.798

6. Thu nhập khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	1.520.138.507	-
Các khoản khác	606.059.707	136.506.717
Cộng	2.126.198.214	136.506.717

7. Chi phí khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Phạt chậm nộp thuế	90.882	739.196.860
Lỗi thanh lý bán tài sản	-	1.245.476.083
Các khoản khác	426.495.459	200.000.000
Cộng	426.586.341	2.184.672.943

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	248.985.954	34.343.123.950
Chi phí nhân công	3.347.899.758	1.869.430.821
Chi phí công cụ, dụng cụ	-	60.159.089
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.440.462.382	2.620.918.402
Chi phí dự phòng	(30.989.907)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.527.713.956	28.882.638.591
Chi phí khác bằng tiền	6.619.042.231	14.023.751.782
Cộng	18.153.114.374	81.800.022.635

9. Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	(138.478.138)
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	(138.478.138)

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.458.426.540	(15.583.453.591)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty	2.458.426.540	(15.583.453.591)
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong kỳ	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (*)	52.050.000	52.050.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	47	(299)

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được xác định như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân đầu kỳ	52.050.000	52.050.000
Số lượng cổ phiếu phát hành thêm lưu hành bình quân trong kỳ	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	52.050.000	52.050.000

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Kỳ này	Kỳ trước
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	6.325.451.768	27.020.000.000
Cộng	6.325.451.768	27.020.000.000

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	-	43.197.923.576
Cộng	-	43.197.923.576

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

2. Giao dịch với các bên liên quan**2.1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

Họ tên bên liên quan	Giao dịch	Giá trị giao dịch	
		Kỳ này	Kỳ trước
Thành viên quản lý chủ chốt trực tiếp điều hành:			
Ông Nguyễn Ngọc Bình - Chủ tịch HĐQT	Lương thưởng, phụ cấp	233.484.955	233.484.954
	Cho Công ty vay	16.281.451.768	24.670.000.000
	Công ty trả gốc vay	-	33.250.000.000
Trần Hải Anh - Tổng Giám đốc (đã miễn nhiệm)	Lương thưởng, phụ cấp	-	81.286.575
Ông Nguyễn Ngọc Hưng - Tổng giám đốc	Lương thưởng, phụ cấp	176.612.726	23.400.000
	Hoàn ứng về Công ty	-	1.711.500.000
Ông Trịnh Thái Sơn - Phó Tổng Giám đốc	Lương thưởng, phụ cấp	77.693.637	-
Bà Nguyễn Thị Phương Ngọc - Phó Tổng Giám đốc	Lương thưởng, phụ cấp	158.234.155	155.318.155
Bà Phạm Thị Chinh Lương - Kế toán trưởng	Lương thưởng, phụ cấp	147.089.728	145.145.727
Thành viên quản lý chủ chốt không trực tiếp điều hành:			
Ông Trần Hải Anh (Thành viên HĐQT)	Lương thưởng, phụ cấp	48.000.000	56.160.000
Ông Nguyễn Văn Huyền (Phó Tổng Giám đốc kiêm TV HĐQT)	Lương thưởng, phụ cấp	48.000.000	81.286.575
	Công ty tạm ứng	754.600.000	250.000.000
	Hoàn ứng	133.176.340	
Ông Đỗ Quang Tuấn (Thành viên HĐQT)	Lương thưởng, phụ cấp	48.000.000	81.286.575
Ông Trần Ngọc Chiến (Thành viên HĐQT)	Lương thưởng, phụ cấp	48.000.000	32.760.000

Tại ngày kết thúc kỳ tài chính, số dư phải thu, phải trả với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Ông Nguyễn Ngọc Bình - cho vay	10.125.451.768	-
Ông Nguyễn Ngọc Bình - Tạm ứng	63.000.000.000	63.000.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Hưng - Tạm ứng	6.744.023.000	6.744.023.000
Ông Trần Hải Anh - Tạm ứng	40.000.000	40.000.000
Ông Nguyễn Văn Huyền - Tạm ứng	273.700.000	273.700.000

Thu nhập thành viên Ban kiểm soát	Kỳ này	Kỳ trước
Hoàng Mạnh Tuấn: Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 10/03/2022)	55.006.644	101.797.462
Hoàng Thị Kim Anh: Thành viên	126.037.948	130.265.264
Đinh Thị Vân: Thành viên	36.709.471	77.634.641
Nguyễn Thiết: Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 10/03/2022)	66.061.776	-
Đinh Thị Vân: Trưởng ban (Bỏ nhiệm ngày 10/03/2022)	35.221.791	-
Nghiêm Thị Mai Hoa: Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 12/06/2020)	-	11.700.000
Nguyễn Tiến Hiền: Thành viên (Miễn nhiệm ngày 12/06/2020)	-	7.020.000

2.2 Các bên liên quan khác

Danh sách các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần Đầu tư thủy điện Anpha	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Thủy điện Khánh Khê	Cùng chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty cổ phần Xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn	Cùng chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển điện Meco	Cùng chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty cổ phần Quản lý và khai thác tài sản Thiên Nam	Con gái Ông Nguyễn Ngọc Bình là Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc CTCP Quản lý và khai thác tài sản Thiên Nam
Công ty cổ phần Thiết bị phụ tùng cơ điện	Con trai Ông Nguyễn Ngọc Bình là Tổng giám đốc CTCP Thiết bị phụ tùng cơ điện
Công ty cổ phần Năng lượng tái tạo Bình Long	Ông Nguyễn Ngọc Bình là Tổng giám đốc CTCP Năng lượng tái tạo Bình Long
Công ty cổ phần Xây dựng MCG	Ông Nguyễn Ngọc Hưng - Tổng giám đốc Công ty là đại diện pháp luật của Công ty Cổ phần Xây dựng MCG

Giao dịch với các bên liên quan này trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty cổ phần Đầu tư thủy điện Anpha		
- Doanh thu cung cấp điện, nước	1.614.242	7.234.917
- Chi hộ tiền lương, bảo hiểm	25.897.633	181.183.319
- Thu tiền khối lượng thi công Nậm Hóa	2.300.000.000	
Công ty cổ phần Xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn		
- Thanh toán khối lượng thi công	488.310.000	-
- Thu tiền thi công công trình	-	2.300.000.000
Công ty cổ phần Quản lý và khai thác tài sản Thiên Nam		
- Cho thuê mặt bằng, cung cấp điện nước	3.823.453.856	5.578.013.273
- Thanh toán tiền thuê mặt bằng, điện nước	4.188.265.553	-
- Thanh toán tiền đặt cọc	3.800.000.000	-
Công ty cổ phần Năng lượng tái tạo Bình Long		
- Doanh thu thi công công trình	5.993.616.373	52.204.893.408
- Thu tiền thi công công trình	14.649.570.302	69.228.795.187
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Meco		
Thanh toán tiền mua vật tư	2.300.000.000	-
Công ty cổ phần Thủy điện Khánh Khê		
Thu tiền nợ bảo hiểm	14.178.258	-
Chi hộ tiền bảo hiểm	14.178.258	-
Thanh toán các khoản khác	13.158.919	-
Doanh thu thi công các công trình	388.183.740	-
Công ty cổ phần Xây dựng MCG		
Thanh toán khối lượng thi công Nậm Hóa 1, Bản Mòng, Bình Long	4.024.527.419	-
Phải trả về khối lượng thi công Nậm Hóa 1, Bản Mòng, Bình Long	1.093.410.715	-
Phải trả khác	1.571.436.127	-
Thanh toán phải trả khác	8.170.231.284	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Tại ngày kết thúc kỳ tài chính, số dư phải thu, phải trả với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<u>Nợ phải thu khách hàng</u>		
Công ty cổ phần Đầu tư thủy điện An Pha	26.168.110.928	31.894.656.932
Công ty cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Thiên Nam	119.304.264	107.531.002
Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển điện Meco	925.682.068	925.682.068
Công ty cổ phần Thủy điện Khánh Khê	4.686.006.834	4.686.006.834
Công ty cổ phần năng lượng tái tạo Bình Long	3.385.604.395	878.462.013,00
Cộng	35.284.708.489	38.492.338.849

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<u>Ứng trước cho người bán</u>		
Công ty cổ phần Xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn	303.613.240	-
Công ty cổ phần Xây dựng MCG	133.164.000	133.164.000
Cộng	436.777.240	133.164.000

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<u>Phải thu khác</u>		
Công ty cổ phần Đầu tư thủy điện An Pha	7.890.273	402.194.522
Công ty cổ phần Thủy điện Khánh Khê	-	1.500.000.000
Công ty cổ phần Xây dựng MCG	6.401.711.857	48.774.956
Cộng	6.409.602.130	1.950.969.478

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<u>Người mua trả tiền trước</u>		
Công ty cổ phần Thủy điện Khánh Khê	44.746.185	1.972.261.766
Công ty cổ phần Năng lượng tái tạo Bình Long	3.690.411.448	8.232.173.251
Công ty CP Đầu tư thủy điện Anpha	8.156.148.210	9.256.029.210
Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển điện Meco	55.000.000	55.000.000
Cộng	11.946.305.843	19.515.464.227

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<u>Phải trả người bán</u>		
Công ty cổ phần Xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn	441.268.550	625.965.310
Công ty cổ phần Xây dựng MCG	4.428.682.566	6.565.210.086
Công ty cổ phần Thiết bị phụ tùng cơ điện	17.617.854.289	17.392.536.449
Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển điện Meco	1.470.513.396	3.770.513.396
Cộng	23.958.318.801	28.354.225.241

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<u>Phải trả khác</u>		
Công ty cổ phần Thủy điện Khánh Khê	-	133.524.356
Công ty cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Thiên Nam	148.200.000.000	152.000.000.000
Công ty cổ phần Xây dựng MCG	12.694.940	197.083.300
Cộng	148.212.694.940	152.330.607.656

3. Báo cáo bộ phận

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 lĩnh vực kinh doanh là: xây lắp; dịch vụ thương mại và dịch vụ khác Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Chỉ tiêu	Dịch vụ xây lắp	Dịch vụ thương mại	Dịch vụ khác	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ				
Doanh thu bán ra bên ngoài	7.070.953.647	6.202.629.885	8.519.032.710	21.792.616.242
Doanh thu bán nội bộ	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần	7.070.953.647	6.202.629.885	8.519.032.710	21.792.616.242
Chi phí kinh doanh				
- Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	5.978.234.888	6.202.629.775	6.901.607.851	19.082.472.514
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-	-	-
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	1.092.718.759	110	1.617.424.859	2.710.143.728
- Chi phí QLDN				3.837.153.205
- Doanh thu hoạt động tài chính				3.334.331.357
- Chi phí hoạt động tài chính				54.250
- Lãi/lỗ trong công ty liên doanh liên kết				(1.448.452.963)
Kết quả HĐKD				758.814.667
- Thu nhập khác				2.126.198.214
- Chi phí khác				426.586.341
- LN/(lỗ) trước thuế				2.458.426.540

4. Thông tin so sánh hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021 kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, tổng nợ phải trả quá hạn của Công ty là 72.199.814.139 đồng, khoản lỗ lũy kế của công ty là: 372.342.146.858 đồng. Đồng thời theo quyết định số 39686/QĐ-CTHN-QLN ngày 12/08/2022 của Cục Thuế thành phố Hà Nội về việc áp dụng cưỡng chế thuế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không có giá trị sử dụng để thi hành cưỡng chế thuế 1 năm kể từ ngày 12 tháng 8 năm 2022. Tổng số tiền thuế Công ty còn nợ theo thông báo số 227362/TB-CT ngày 19/07/2022 với số tiền: 5.044.435.000 đồng. Những điều kiện này chỉ ra sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, Chủ tịch Hội đồng quản trị - Ông Nguyễn Ngọc Bình đồng thời là cổ đông lớn của Công ty cam kết tiếp tục hỗ trợ tài chính cho Công ty bằng cách cho vay tài chính để Công ty có thể tiếp tục hoạt động. Do đó, Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 vẫn được lập dựa trên giả định hoạt động liên tục.

Lập ngày 23 tháng 08 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch hội đồng quản trị






Hoàng Mạnh Tuấn

Phạm Thị Chính Lương

Nguyễn Ngọc Bình